

BỘ TÀI CHÍNH  
CỤC THỐNG KÊCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 553 /QĐ-CTK

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH  
Về việc tiếp nhận công chức

## CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/ĐUBTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái và Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tiếp nhận công chức có tên tại danh sách đính kèm công tác tại Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái kể từ ngày 01/3/2025.

**Điều 2.** Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái và công chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

## Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CCTK tỉnh Yên Bái;
- Hồ sơ cá nhân (40b);
- Lưu: VT, TCCB (3b).

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

# DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐƯỢC TIẾP NHẬN THUỘC CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-CTK ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê)

| STT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngạch, đơn vị trước khi sắp xếp<br>(Cục Thống kê tỉnh Yên Bái) |                                    | Ngạch, đơn vị sau khi sắp xếp<br>(Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái) |                                        | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
|     |                       |                     |           | Ngạch                                                          | Phòng/CCTK                         | Ngạch                                                            | Phòng/Đội Thống kê                     |         |
| (A) | (B)                   | (1)                 | (2)       | (3)                                                            | (4)                                | (5)                                                              | (6)                                    | (7)     |
| 1   | Đỗ Minh Khang         | 27/02/1983          | Nam       | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Tổng hợp            | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Tổng hợp                |         |
| 2   | Nguyễn Thị Việt Hà    | 23/02/1976          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thu thập Thông tin thống kê  | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Tổng hợp                |         |
| 3   | Hoàng Thảo Yến        | 29/10/1990          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Kinh tế             | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Tổng hợp                |         |
| 4   | Nguyễn Thùy Linh      | 05/8/1991           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Xã hội              | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội   |         |
| 5   | Trần Thị Ngọc Ánh     | 07/11/1989          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Xã hội              | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội   |         |
| 6   | Nguyễn Thị Hải Yến    | 06/02/1984          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thu thập Thông tin thống kê  | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội   |         |
| 7   | Vương Thị Hằng Nga    | 21/5/1976           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Kinh tế             | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng |         |
| 8   | Nguyễn Trang Nhung    | 24/5/1987           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Kinh tế             | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng |         |
| 9   | Bùi Văn Hưng          | 13/01/1983          | Nam       | Thống kê viên                                                  | Phòng Thu thập Thông tin thống kê  | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng |         |
| 10  | Nguyễn Thị Thanh Dung | 06/4/1986           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thống kê Kinh tế             | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá          |         |
| 11  | Trần Ngọc An          | 20/6/1991           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Phòng Thu thập Thông tin thống kê  | Thống kê viên                                                    | Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá          |         |
| 12  | Nguyễn Thị Hồng Vân   | 13/12/1981          | Nữ        | Thống kê viên chính                                            | Chi cục Thống kê huyện Trấn Yên    | Thống kê viên chính                                              | Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá          |         |
| 13  | Nguyễn Thị Thúy Loan  | 16/4/1989           | Nữ        | Kế toán viên trung cấp                                         | Phòng Tổ chức - Hành chính         | Kế toán viên trung cấp                                           | Phòng Tổ chức - Hành chính             |         |
| 14  | Nguyễn Thị Kim Anh    | 31/01/1997          | Nữ        | Nhân viên văn thư                                              | Phòng Tổ chức - Hành chính         | Nhân viên văn thư                                                | Phòng Tổ chức - Hành chính             |         |
| 15  | Vũ Công Diện          | 03/01/1988          | Nam       | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê thành phố Yên Bái | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 1                      |         |
| 16  | Trần Ngọc Diệu Huyền  | 08/6/1984           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê thành phố Yên Bái | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 1                      |         |

| STT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngạch, đơn vị trước khi sắp xếp<br>(Cục Thống kê tỉnh Yên Bái) |                                              | Ngạch, đơn vị sau khi sắp xếp<br>(Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái) |                    | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|
|     |                    |                     |           | Ngạch                                                          | Phòng/CCTK                                   | Ngạch                                                            | Phòng/Đội Thống kê |         |
| (A) | (B)                | (1)                 | (2)       | (3)                                                            | (4)                                          | (5)                                                              | (6)                | (7)     |
| 17  | Lê Thị Hoa         | 09/6/1974           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê thành phố Yên Bái           | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 1  |         |
| 18  | Đỗ Tiến Thuận      | 15/02/1990          | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Trấn Yên              | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 2  |         |
| 19  | Hà Thị Hồng Quyên  | 02/4/1979           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Văn Yên               | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 2  |         |
| 20  | Đoàn Phương Thảo   | 30/4/1987           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Văn Yên               | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 2  |         |
| 21  | Bùi Thúy An        | 06/10/1985          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Văn Yên               | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 2  |         |
| 22  | Sầm Phong Lưu      | 24/11/1985          | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên  | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 3  |         |
| 23  | Bùi Anh Tuấn       | 07/02/1986          | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên  | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 3  |         |
| 24  | Nông Thị Cẩm Nhung | 06/01/1993          | Nữ        | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên  | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 3  |         |
| 25  | Trần Thị Thu       | 22/6/1979           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên  | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 3  |         |
| 26  | Lò Thị Ngọc        | 12/4/1987           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên  | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 3  |         |
| 27  | Hà Thị Thanh Hải   | 08/9/1982           | Nữ        | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên  | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 3  |         |
| 28  | Nguyễn Cao Hoàn    | 30/6/1980           | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 4  |         |
| 29  | Nguyễn Thùy Linh   | 05/10/1988          | Nữ        | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 4  |         |
| 30  | Bùi Băng Giang     | 12/8/1988           | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 4  |         |
| 31  | Trần Hoài Vũ       | 26/3/1981           | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 4  |         |
| 32  | Hoàng Đức Thuận    | 10/4/1989           | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 4  |         |
| 33  | Trần Thị Tuyền     | 02/10/1988          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 4  |         |



| STT | Họ và tên       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngạch, đơn vị trước khi sắp xếp<br>(Cục Thống kê tỉnh Yên Bái) |                                              | Ngạch, đơn vị sau khi sắp xếp<br>(Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái) |                    | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|
|     |                 |                     |           | Ngạch                                                          | Phòng/CCTK                                   | Ngạch                                                            | Phòng/Đội Thống kê |         |
| (A) | (B)             | (I)                 | (2)       | (3)                                                            | (4)                                          | (5)                                                              | (6)                | (7)     |
| 34  | Dương Quang Vũ  | 14/3/1991           | Nam       | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 4  |         |
| 35  | Hoàng Trọng Phú | 20/8/1979           | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Trạm Tấu              | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 5  |         |
| 36  | Thào A Nủ       | 10/01/1994          | Nam       | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê huyện Trạm Tấu              | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 5  |         |
| 37  | Nông Thị Mai    | 08/02/1995          | Nữ        | Thống kê viên trung cấp                                        | Chi cục Thống kê huyện Trạm Tấu              | Thống kê viên trung cấp                                          | Đội Thống kê số 5  |         |
| 38  | Hà Xuân Đoàn    | 30/9/1985           | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Mù Cang Chải          | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 6  |         |
| 39  | Phạm Văn Chiến  | 20/12/1983          | Nam       | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Mù Cang Chải          | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 6  |         |
| 40  | Thào Thị Ninh   | 01/10/1999          | Nữ        | Thống kê viên                                                  | Chi cục Thống kê huyện Mù Cang Chải          | Thống kê viên                                                    | Đội Thống kê số 6  |         |

